

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **289/2019/HS-ST**.

Ngày: 28/6/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Thìn;

2. Ông Trần Văn Chánh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 257/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1977. Nơi đăng ký HKTT: 428/8, khu phố 5B, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Chỗ ở hiện nay: Như trên. Nghề nghiệp: lái taxi. Trình độ học vấn: 9/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Thiên chúa. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Văn T, sinh năm 1953 và bà Mai Thị V, sinh năm 1956. Gia đình bị cáo có 03 anh em. Bị cáo là con thứ nhất. Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2014.

Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 20/02/2019, chuyển tạm giam theo Lệnh số 130 ngày 28/02/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam B5 Công an tỉnh Đ.

Bị cáo có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ vận tải Sài Gòn.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Trọng A, sinh năm 1977.

Địa chỉ: D621E, khu phố 4, phường L, thành phố B, tỉnh Đ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T là người sử dụng trái phép chất ma túy. T làm lái xe taxi cho Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ vận tải Sài Gòn theo Hợp đồng lao động số 2411 ngày 09/5/2018. Vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 20/02/2019, T điều khiển xe taxi biển số 60A-264.16 đi đến khu vực gần Bưu điện Quận 5, thành phố H gặp đối tượng tên H (không rõ lai lịch) mua 01 (một) gói heroin với giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Sau khi mua được heroin, T mang về bãi đất trống gần khu vực Bồn nước thuộc phường A, thành phố B, lấy một phần heroin sử dụng, phần còn lại chia thành 14 (mười bốn) tép heroin được đóng trong các đoạn ống nhựa hàn kín hai đầu để sử dụng dần.

Đến khoảng 17 giờ 15 phút cùng ngày, T cất giấu 14 (mười bốn) tép heroin bên trong túi áo bên phải T đang mặc rồi điều khiển xe taxi biển số 60A-264.16 về đến trước cổng Bệnh viện đa khoa T thuộc khu phố 9, phường T, thành phố B thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Đ (PC04) kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

* Vật chứng, tài sản thu giữ gồm:

- 14 (mười bốn) đoạn ống nhựa hàn kín 02 đầu bên trong chứa chất bột màu trắng (kí hiệu M), Trần Văn T khai là heroin đã được niêm phong có chữ ký của T và dấu mộc của Công an phường T, thành phố B.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, số thuê bao 0961417467, số Imel: 356446082281853 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, số thuê bao: 0523148270, số Imel: 353420091924202 của T không liên quan đến hành vi phạm tội.

- 660.000 đồng (sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) là tiền cá nhân của T không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Xe ô tô taxi màu vàng biển số 60A-264.16 là tài sản của Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ vận tải Sài Gòn giao cho Trần Văn T lái xe chở khách, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho anh Nguyễn Trọng A, đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ vận tải Sài Gòn.

* Tại kết luận giám định số: 150/PC09-GĐMT ngày 25/02/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận:

“Mẫu chất bột màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng là **0,9599 gam**, loại: **Heroin**”.

Tại cáo trạng số: 273/CT/VKSBH ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố Trần Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo điều khoản và tội danh nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo với mức án từ 16 (mười sáu) đến 20 (hai mươi) tháng tù.

Bị cáo Trần Văn T không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm được trở lại cộng đồng xã hội.

Về án phí: Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án, tội danh và áp dụng điều luật:

Xét thấy, tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T đã khai nhận: Vào khoảng 17 giờ 15 phút, ngày 20/02/2019, tại khu vực trước cổng Bệnh viện đa khoa T thuộc khu phố 9, phường T, thành phố B, Trần Văn T đã có hành vi tàng trữ trái phép **0,9599** gam, loại: **Heroin** thì bị Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Đ bắt quả tang.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Trần Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân thành phố B đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự; gây tác hại cho sức khỏe và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo cũng đủ nhận thức và biết ma túy là

chất gây nghiện có tác hại rất lớn cho người sử dụng và đối với xã hội, bị cáo cũng nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo đã bất chấp và cố tình vi phạm. Nên cần phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Xét kinh tế bị cáo còn khó khăn, bản thân lại nghiện chất ma túy, không có điều kiện để thi hành. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Ma túy loại Heroin là vật Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy Heroin còn lại sau giám định, được niêm phong trong gói niêm phong số: 150 ngày 25/02/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ.

- Trả lại cho Trần Văn T 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, số thuê bao 0961417467, số Imel: 356446082281853; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, số thuê bao: 0523148270, số Imel: 353420091924202 và 660.000 đồng (sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) do không liên quan đến hành vi phạm tội.

[7] Đối với người thanh niên tên H (chưa rõ lai lịch) bán ma túy cho Trần Văn T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục làm rõ xử lý sau.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa, xét thấy tương đối phù hợp với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Trần Văn T 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/02/2019.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu và tiêu huỷ số lượng ma túy Heroin còn lại sau giám định, được niêm phong trong gói niêm phong số: 150 ngày 25/02/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

- Trả lại cho Trần Văn T 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, số thuê bao 0961417467, số Imel: 356446082281853; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, số thuê bao: 0523148270, số Imel: 353420091924202 và 660.000 đồng (sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) do không liên quan đến hành vi phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/6/2019 và Biên lai thu số 000218 ngày 13/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP.B;
- THA B;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA

Nơi nhận

- TAND tỉnh
- VKSND TP.Biên Hòa
- THA Biên Hòa
- Bị cáo
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nơi nhận

- TAND tỉnh
- VKSND TP.Biên Hòa
- THA Biên Hòa
- Bị cáo
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Thanh Bình